

Bản án số: 19/2024/DS-ST

Ngày: 15/4/2024

Về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hà** - Thẩm phán Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm

Các Hội Thẩm nhân dân: Bà **Vũ Phương Liên** và Ông **Nguyễn Văn Hiệp**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Linh Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 120/2023/TLST-DS ngày 03/11/2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-DS ngày 15/02/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 22A/2024/QĐDS-ST ngày 11/3/2024, giữa:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đ (P). Trụ sở: Số B N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L. Chức vụ: Chủ tịch HĐQT. Đã ủy quyền cho: Ông Nguyễn Hoàng Trung N. Chức vụ: Phó giám đốc Khối Quản lý và T cấu trúc Tài sản theo Giấy ủy quyền số 10772/UQ-PVB ngày 10/06/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Bùi Thu T1 theo Giấy ủy quyền số 27649/UQ-PVB, ký ngày 05/12/2023.

(Bà T1 có mặt tại phiên tòa);

* **Bị đơn:** Bà Võ Minh H, sinh năm: 1967; CMND số: 022488464 do Công an thành phố H cấp ngày 08/07/2013. HKTT: Số 163/19/7 T, P.13, Quận A, TP Hồ Chí Minh. Nơi ở hiện tại: Số A đường L, Khu phố E, thị trấn D, huyện D, tỉnh B. (Bà H vắng mặt tại phiên tòa);

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Trần Đình T2, sinh năm 1962; CMND số: 281243728 do Công an huyện D cấp ngày 23/02/2016. Nơi cư trú: Số A đường L, Khu phố E, thị trấn D, huyện D, tỉnh B. (Ông T2 vắng mặt tại phiên tòa);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2023 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:***

Ngày 16/03/2017, Ngân hàng TMCP Đ với bà Võ Minh H đã ký kết Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 0497/2017/HĐTD/PVB-CN.BD, với nội dung cơ bản như sau:

- Số tiền vay: 100.000.000 đồng (*Bằng chữ: một trăm triệu đồng*)
- Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân
- Mục đích: tiêu dùng
- Lãi suất cho vay: Từ ngày 16/03/2017 đến hết ngày 15/06/2017, lãi suất bằng 13,8%/năm. Từ ngày 16/06/2017 đến hết thời hạn vay, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần và được xác định theo công thức: Lãi suất cho vay = LS13 + Biên độ 6%/năm. Trong đó LS13 là lãi suất Tiền gửi Đại chúng, lĩnh lãi cuối kỳ dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 13 tháng bằng VND theo biểu lãi suất huy động của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Phương thức trả nợ: Quy định tại mục 7, phần II. Nội dung nhận nợ của Khế ước nhận nợ số 0497/2017/KUNN/PVB.CNBD ngày 16/03/2017.

Quá trình thực hiện Hợp đồng:

Ngay sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP Đ (P) đã thực hiện giải ngân cho bà Võ Minh H tổng số tiền là 100.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên.

Trong quá trình thực hiện theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên, bà Võ Minh H đã thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ cho P, cụ thể như sau: Gốc đã trả là 31.043.582 đồng; L1 đã trả là 18.675.580 đồng; Tổng tiền đã trả là 49.719.162 đồng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Võ Minh H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho P. P đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà Võ Minh H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho P, tuy nhiên bà Võ Minh H vẫn không thực hiện thanh toán cho Ngân hàng theo quy định.

Qua quá trình xác minh, P được biết bà Võ Minh H trước đây công tác tại Trung tâm y tế Huyện D. Bà Võ Minh H và ông Trần Đình T2 có quan hệ hôn nhân, ông T2 hiện đang cư trú tại KP E, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, còn bà H hiện ở đâu ngân hàng không liên lạc được. Nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc nghĩa vụ của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng phải trả tiền cho khoản vay vì mục đích vay là tiêu dùng. Ngân hàng cho rằng mục đích vay tiêu dùng tức là tiêu dùng các sản phẩm cho gia đình.

Theo số liệu tại sổ phụ của khách hàng, bà Võ Minh H đã thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ cho P, cụ thể như sau: Gốc đã trả là 31.043.582 đồng; L1 đã trả là 18.675.580 đồng, tổng tiền đã trả là 49.719.162 đồng.

Lãi phạt và L1 quá hạn được tính theo công thức trên Bảng điều khoản chung cho khoản vay thẻ tín dụng kèm theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 0497/2017/HĐTD/PVB-CN.BD

Do bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận với ngân hàng.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Võ Minh H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thanh toán cho P tính đến ngày 25/05/2023 tổng số tiền **145.663.657 đồng**. Trong đó: Gốc là 68.956.418 đồng; Lãi là 76.707.239 đồng.
- Buộc bà Võ Minh H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải trả cho P các khoản nợ lãi và phí phát sinh theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số

0497/2017/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 16/03/2017 và khế ước nhận nợ số 0497/2017/KUNN/PVB.CNBD ngày 16/03/2017 kể từ ngày 26/05/2023 cho đến khi tất toán khoản vay.

- Trong trường hợp bà Võ Minh H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thanh toán được ngay toàn bộ nghĩa vụ nợ, P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản và nguồn thu hợp pháp của bà Võ Minh H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để thanh toán hết toàn bộ nghĩa vụ nợ của bà Võ Minh H tại P.

****Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không có ý kiến, không giao nộp văn bản, tài liệu chứng cứ trong suốt quá trình giải quyết vụ án.***

****Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có ý kiến tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/8/2023 và tiếp theo như sau:***

Ông T2 là chồng bà Võ Minh H, bà H đã nghỉ việc ở D, hiện bà H ở đâu ông T2 không biết, thỉnh thoảng bà H có về, gần đây nhất là tháng 05/2023. Ông T2 không liên lạc được với bà H.

Đối với yêu cầu khởi kiện của P, ông T2 không đồng ý thanh toán khoản nợ vì bà H vay tiền sử dụng cho cá nhân bà H, không phục vụ cho gia đình, ông T2 không biết nên không có trách nhiệm trả nợ. Khi bà H vay tiền P không nói cho ông T2 biết. Đến năm 2021, ông T2 mới biết bà H vay tiền P.

****Tại phiên tòa:***

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX giải quyết:

- Buộc bà Võ Minh H phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ đến ngày 15/4/2024 tổng số tiền là **162.528.383 đồng** theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương 0497/2017/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 16/3/2017 đã ký kết, cụ thể như sau:

+ Nợ gốc: 68.956.418 đồng đồng.

+ Lãi trong hạn: 18.587.037 đồng

+ Lãi trên gốc quá hạn: 57.176.763 đồng

+ Lãi chậm trả: 17.808.164 đồng.

- Buộc bà Võ Minh H có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền khoản nợ lãi và phí phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương 0497/2017/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 16/3/2017 kể từ ngày 16/4/2024 đến ngày tất toán khoản vay.

- Trong trường hợp bà Võ Minh H không thanh toán được ngay toàn bộ nghĩa vụ nợ, P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản và nguồn thu hợp pháp của bà Võ Minh H để thanh toán hết toàn bộ nghĩa vụ nợ của bà Võ Minh H tại P để thu hồi nợ theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương 0497/2017/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 16/3/2017.

Tài sản của bà H bao gồm tài sản riêng của bà H và tài sản của bà H có trong tài sản chung với ông Trần Đình T2 để thanh toán hết toàn bộ nghĩa vụ nợ của bà Võ Minh H tại P theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương 0497/2017/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 16/3/2017.

Về các tài liệu chứng minh việc bà H vay tiền ngân hàng để sử dụng phục vụ chi tiêu gia đình thì Ngân hàng chỉ có bảng tự kê khai mục đích sử dụng số

tiền vay do chính bà H kê nộp ngân hàng. Còn tài liệu về việc quá trình trả nợ ông T2 cùng bà H thực hiện việc trả nợ P, ngân hàng không có.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến khi phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã chấp hành pháp luật theo các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau phần tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật trong vụ án:

Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân và một cá nhân, mục đích vay vốn của bị đơn nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng của cá nhân, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về dân sự. Tại khoản 7.1 Điều 7 của hợp đồng cho vay trả góp bằng lương 0497/2017/HĐTD/PVB-CN.BD, các đương sự thỏa thuận thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nơi có trụ sở của nguyên đơn. Trong vụ án, P có trụ sở tại số B N, quận H. Căn cứ vào Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý và giải quyết vụ án về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

[2.1]. Vụ án đã được Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý theo Quyết định chuyển vụ án số 19/2023/QĐST-DS ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Tại thời điểm, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng giải quyết, Công an thị trấn D cung cấp thông tin cư trú vào ngày 20/7/2023: Bà Võ Minh H không đăng ký thường trú nhưng trước đây có nhiều năm sinh sống tại khu phố E, thị trấn D, huyện D, tỉnh B. Bà H đã bỏ đi khỏi địa phương cách đây khoảng 04-05 năm.

Quá trình giải quyết vụ án, Công an phường A, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thông tin tại địa chỉ số A T, Phường A, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh có bà Võ Minh H và con gái ruột là Trần Võ Tú T3 đăng ký thường trú nhưng thực tế không ăn ở sinh hoạt tại địa chỉ này, hiện Công an phường A không có thông tin cư trú thực tế của Võ Minh H.

Tại các tài liệu tổng đạt quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho thấy bà H đã nhận trực tiếp văn bản tố tụng tại địa chỉ số A đường L, Khu phố E, thị trấn D, huyện D, tỉnh B, ông Trần Đình T2 chồng bà H xác nhận thời

điểm hiện nay 2024, bà H đã về ở với ông H tại khu phố E, thị trấn D, huyện D, tỉnh B.

[2.2]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết theo đúng quy định của pháp luật các văn bản tố tụng cho bị đơn Võ Minh H nhưng bị đơn không có văn bản ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. HĐXX thấy rằng bị đơn Võ Minh H đã tự từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân.

Ngày 11/3/2024, HĐXX đã hoãn phiên tòa do vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có lý do. Ngày 15/4/2024, HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2.3]. Việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa được xác định là thay đổi về số liệu tín dụng, rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với buộc nghĩa vụ của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, yêu cầu sửa đổi, rút một phần không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự được HĐXX chấp nhận.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Xét Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương 0497/2017/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 16/3/2017 có hình thức bằng văn bản, phía P do người có thẩm quyền theo văn bản ủy quyền ký kết với bà Võ Minh H, việc ký kết là tự nguyện, ngân hàng giao nộp tài liệu chứng minh việc đã giải ngân cho khách hàng H số tiền 100.000.000 đồng.

HĐXX thấy rằng hợp đồng tín dụng đã ký kết không vi phạm các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo quy định của Bộ Luật dân sự;

[3.2]. Xét việc thực hiện các hợp đồng tín dụng: Theo các tài liệu do P giao nộp, thấy rằng cho đến ngày 24/02/2023 bị đơn đã trả được tổng tiền là 49.719.162 đồng, trong đó gốc đã trả là 31.043.582 đồng; lãi đã trả là 18.675.580 đồng.

[3.2.1]. Kể từ ngày 25/02/2023, bị đơn không trả tiếp khoản vay theo thỏa thuận, như vậy bị đơn đã vi phạm Điều 6 và Cam kết của Bên vay tại khoản 6.2 “*Bên vay phải chủ động trả nợ cho ngân hàng vào ngày đến hạn theo quy định tại Hợp đồng này*” và vi phạm thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng việc trả nợ gốc chia thành 60 kỳ, mỗi kỳ 01 tháng, được trả vào ngày 15 hàng tháng, trả nợ lãi bên vay phải thực hiện trả lãi vào ngày 15 hàng tháng (Kỳ tính lãi).

[3.2.2]. Thời hạn vay là 60 tháng (05 năm) tức đến ngày 16/3/2022, do đó từ ngày 17/3/2022 bị đơn chỉ phải chịu nợ lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi.

[3.2.3]. Theo các tài liệu do ngân hàng cung cấp về các quyết định, thông báo lãi suất, bảng tổng hợp dư nợ các khoản đã trả, chưa trả thì thấy rằng ngân hàng đã áp dụng đúng thỏa thuận về lãi suất.

Do vậy, HĐXX thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng buộc bị đơn có nghĩa vụ trả khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, nợ lãi chậm trả lãi theo thỏa thuận đã ký kết.

[3.3]. Xét yêu cầu của P về việc buộc ông Trần Đình T2 là chồng hợp pháp của bà Võ Minh H (*tuy nhiên P không giao nộp Giấy chứng nhận kết hôn giữa bà H và ông T2*) thực hiện nghĩa vụ liên đới cùng với nghĩa vụ của bà H đối với nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho P:

[3.3.1]. Theo quy định tại Điều 24, 25, 26, 27, 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một

bên thực hiện mục đích phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình, tuy nhiên trong vụ việc này, không có tài liệu nào do ngân hàng G chứng minh về việc ông T2 biết việc bà H vay P số tiền gốc 100.000.000 đồng tại thời điểm ký hợp đồng cũng như có các hành vi cùng trả nợ khoản nợ tại P hoặc việc bà H sử dụng số tiền vay vào mục đích phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Hợp đồng tín dụng chỉ ghi mục đích vay của bà H là vay tiêu dùng.

[3.3.2]. Do đó việc thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P về việc buộc ông T2 có nghĩa vụ liên đới với bà H cùng trả số tiền nợ cho ngân hàng là tự nguyện, hợp pháp. Tuy nhiên, tài sản chung của vợ chồng là tài sản chung hợp nhất nên trong trường hợp bà H không thanh toán khoản nợ hoặc không thanh toán đầy đủ khoản nợ cho P thì P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản và nguồn thu hợp pháp của bà Võ Minh H để thu hồi nợ. Tài sản của bà H bao gồm tài sản riêng và tài sản của bà H có trong tài sản chung với ông Trần Đình T2 để thanh toán hết toàn bộ nghĩa vụ nợ của bà Võ Minh H tại P. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đề nghị tại phiên toà được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 39; Điều 114; Điều 124; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 244, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 3 Điều 40, Điều 117, Điều 299, Điều 317, Điều 320, Điều 466 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Luật ngân hàng N1 năm 2010;

- Điều 2, 6, 7, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng vay tài sản; lãi suất trung bình trên thị trường; quyết định lãi, lãi suất trong bản án, quyết định của Tòa án;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Đ đối với bị đơn – bà Võ Minh H

1.1. Buộc bà Võ Minh H phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ đến ngày 15/4/2024 tổng số tiền là 162.528.383 (Một trăm sáu mươi hai triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn, ba trăm tám mươi ba đồng) đồng theo Hợp đồng

cho vay trả góp bằng lương 0497/2017/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 16/3/2017 đã ký kết, cụ thể như sau:

- + Nợ gốc: 68.956.418 đồng đồng.
- + Lãi trong hạn: 18.587.037 đồng
- + Lãi trên gốc quá hạn: 57.176.763 đồng
- + Lãi chậm trả: 17.808164 đồng.

1.2. Buộc bà Võ Minh H có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền khoản nợ lãi và phí phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương 0497/2017/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 16/3/2017 kể từ ngày 16/4/2024 đến ngày tất toán khoản vay.

1.3. Trong trường hợp bà Võ Minh H không thanh toán được ngay toàn bộ nghĩa vụ nợ, P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản và nguồn thu hợp pháp của bà Võ Minh H để thanh toán hết toàn bộ nghĩa vụ nợ của bà Võ Minh H tại P để thu hồi nợ theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương 0497/2017/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 16/3/2017.

Tài sản của bà H bao gồm tài sản riêng của bà H và tài sản của bà H có trong tài sản chung với ông Trần Đình T2 để thanh toán hết toàn bộ nghĩa vụ nợ của bà Võ Minh H tại P theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương 0497/2017/HĐTD/PVB-CN.BD ngày 16/3/2017.

2. Án phí:

2.1. Ngân hàng TMCP Đ được trả lại 3.641.591 (Ba triệu, sáu trăm bốn mươi một nghìn, năm trăm chín mươi một đồng) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Biên lai tạm ứng án phí số 0009132 ngày 06/7/2023.

2.2. Bà Võ Minh H phải chịu 8.126.429 đồng (Tám triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn, bốn trăm hai mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đ. Ngân hàng TMCP Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Võ Minh H, ông Trần Đình T2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật: *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Chi Cục Thi hành án DS quận H;
- Tòa án NDTP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THU HÀ